TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/DS - ST.
Ngày: 27 - 11 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Biện Công Nặng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Hùng Phong
2. Ông Nguyễn Công Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 131/2018/TLST- DS ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1959; Địa chỉ: ấp Xa M, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Bà Phạm Ngọc N1, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp Xa M1,thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1 Bà Trần Thị L, sinh năm 1963 (có mặt).

2.2 Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964. (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Xa M, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T , tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của đại diện cho nguyên đơn tại phiên tòa như sau:

Vào ngày 05/6/2017, bà N có cho bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn B vay số tiền 175.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, việc vay tiền có làm biên nhận, sau khi

vay bà L đóng lãi được số tiền 3.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa, bà N nhiều lần yêu cầu nhưng bà L và ông B không trả. Nay bà N yêu cầu bà L và ông B có trách nhiệm trả cho bà N số tiền vốn là 175.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/6/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm bằng mức lãi suất theo quy định của pháp luật trừ lại số tiền bà L đã đóng lãi 3.000.000 đồng.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 20/9/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Trần Thị L trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2017, bà L có vay tiền của bà N nhiều lần với số tiền 175.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, sau khi vay bà L có đóng lãi đầy đủ hàng tháng là 8.750.000 đồng đến tháng 5 năm 2017 thì ngưng đóng. Sau đó, bà N có viết biên nhận nội dung ghi bà L có nợ bà N số tiền 175.000.000 đồng, bà L có ký tên vào biên nhận và có bà Đinh Thị H là người em bà con của bà N chứng kiến. Đến ngày 25/12/2017, bà L với bà N thỏa thuận bà L sẽ trả dần cho bà N mỗi tháng 1.000.000 đồng và bà đã trả được 03 tháng 3.000.000 đồng, các lần trả tiền và đóng lãi đều không có làm giấy tờ, việc đóng lãi thì có chị chồng bà tên Nguyễn Thị Liễu T biết. Bà L đồng ý trả số tiền trên cho bà N nhưng yêu cầu không tiếp tục tính lãi suất và cho bà được trả dần với hình thức mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Ngoài ra việc vay tiền của bà N đều do bà tự quyết định, không có thông qua ý kiến của chồng bà là ông Nguyễn Văn B nên số tiền nợ bà N bà sẽ có trách nhiệm tự trả.

Tại phiên tòa bà L xin bà N giảm cho bà số tiền vốn 125.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng bà xin trả mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ và không đồng ý trả lãi do bà không có khả năng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B vắng mặt không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu việc kiểm sát và quan điểm giải quyết như sau:

- Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ; Về việc tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đã có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn B trả cho bà N số tiền 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 05/6/2017 bị đơn ngưng thực hiện nghĩa vụ đóng lãi cho đến nay; Về án phí buộc bà L và ông B liên đới chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đinh Thị N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 175.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/6/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm bằng mức lãi suất pháp luật quy định. Tòa án đã thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 của Bộ luật tố tụng

dân sự; Bị đơn ông Nguyễn Văn B có đơn yêu cầu giải quyết vắng, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định giải quyết vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 05/6/2017, bà N có cho bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn B vay số tiền 175.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, việc vay tiền có làm biên nhận, sau khi vay bà L đóng lãi được số tiền 3.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa; Bị đơn bà Trần Thị L thừa nhận có vay số tiền đúng như bà N yêu cầu, trước ngày 05/6/2017 theo bà L trình bày có đóng lãi mỗi tháng cho bà N là 8.750.000 đồng đến tháng 5 năm 2017 thì ngưng, bà N mới làm biên nhận với số tiền trên, ngày 25/12/2017 bà N đồng ý cho bà trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, bà cũng đã trả được 03 tháng là 3.000.000 đồng, số tiền còn lại bà L yêu cầu xin trã 50.000.000 đồng và trả dần mỗi tháng là: 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ, đồng thời yêu cầu bà N không tính lãi suất nữa; Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định việc bà N có cho bà L vay tiền hai bên đều thừa nhận đây là sự thật không cần phải chứng minh.

[3] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn B vắng mặt không có lời trình bày, vợ ông bà Trần Thị L cho rằng việc vay và nhận tiền từ bà N đều do bà trực tiếp thỏa thuận, ông B không biết nên bà sẽ tự chịu trách nhiệm về khoản vay trên. Tuy nhiên, số tiền bà N vay để sử dụng vào việc chi tiêu trong gia đình và phát sinh trong thời kỳ hôn nhân với ông B, bà N yêu cầu cả hai vợ chồng bà L cùng có trách nhiệm trã nên cần thiết buộc ông Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

[4] Về lãi suất cho vay: Nguyên đơn trình bày thỏa thuận lãi suất 2%/tháng và bị đơn có đóng lãi được 3.000.000 đồng; Bị đơn cũng thừa nhận có trả được 3.000.000 đồng nhưng sau đó bà N đi kiện nên bị đơn không có trã nữa và lãi suất khi thỏa thuận giao dịch là 5%/tháng. Xét thấy, việc trình bày lãi suất là do hai bên thỏa thuận bằng lời nói, không ai có chứng cứ chứng minh, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 05/6/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 27/11/2018 và không đồng ý giảm vốn và lãi theo yêu cầu của bị đơn.

Về thời gian trả nợ nguyên đơn yêu cầu trả đủ một lần, bị đơn xin trả dần, các bên không thỏa thuận được.

[5] Từ những phân tích nêu trên có đủ căn cứ để xác định yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ vào các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, căn cứ vào đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm Sát tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa cũng như những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị N, buộc bị đơn bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền vốn là: 175.000.000 đồng.

Tiền lãi tính từ ngày 05/6/2017 đến ngày 27/11/2018 là 17 tháng 22 ngày bằng mức lãi suất pháp luật quy định, cụ thể: 175.000.000 đồng x 1.66% x 17 tháng 22 ngày = 51.515.333 đồng.

Tổng cộng: 175.000.000 đồng tiền vốn + 51.515.333 đồng = 226.515.333 đồng, khấu trừ 3.000.000 đồng tiền lãi đã trả trước, còn lại: 223.515.333 đồng

[6] Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Do bị đơn bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị đơn phải chịu 5% án phí trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn 223.515.333 đồng x 5% = 11.175.767 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463; 466; Điều 357 và 468 của bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2, Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị N, buộc bị đơn bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đinh Thị N số tiền: 223.515.333 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu, năm trăm mười lăm nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng, trong đó tiền vốn là 175.000.000 đồng + tiền lãi là 51.515.333 đồng - 3.000.000 đồng = 223.515.333 đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án dân sự đối với người phải thi hành án nếu chưa trả được số tiền phải thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là: 11.175.767 đồng (mười một triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đinh Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.375.000 đồng theo lai thu số 0003313 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T.

Án dân sự sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Biện công Nặng